TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/KDTM-ST
Ngày: 09-3-2022.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hòa Bình.

2/ Bà Mai Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2020/TLST-KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2021/QĐXXST-KDTM ngày 09/12/2021, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2022 và theo Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Địa chỉ trụ sở: đường H, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đào Thị T H, chứng minh nhân dân số: 233231… do Công an tỉnh T cấp ngày 21/7/2018 hoặc ông Nguyễn Ngọc L, chứng minh nhân dân số: 215417… do Công an tỉnh Đ cấp ngày 19/11/2018; Cùng chức vụ: chuyên viên XLN KHDN MN; Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng A, đường T, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Văn bản ủy quyền số 7504/2021/UQ-PGĐ ngày 23/11/2021. (Bà H có mặt)

2. Bị đơn: Công ty N.

Địa chỉ: đường P, phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Trần Quang C, sinh năm 1975; Địa chỉ: đường P, phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quang C, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường P, phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Công ty N đã vay vốn tại Ngân hàng V theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/EMH/18/0102/HDHM ngày 08/8/2018, thực hiện hợp đồng trên thì hai bên đã ký các khế ước nhận nợ như sau:

* Khế ước nhận nợ (Lần: 1/số: SME/EMH/18/0102/HDHM-1) ngày 08/8/2018: Số tiền vay là 450.285.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng với lãi suất là 34,9%/năm, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/1 lần, tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 28%/năm; ngày giải ngân 08/8/2018; ngày đến hạn 08/8/2019; mục đích vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh hoàn thiện công trình xây dựng.

* Khế ước nhận nợ (Lần: 2/số: SME/EMH/18/0102/HDHM-2) ngày 16/8/2018: Số tiền vay là 49.715.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng với lãi suất là 34,9%/năm, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/1 lần, tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 28%/năm; ngày giải ngân 16/8/2018; ngày đến hạn 16/8/2019; mục đích vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh hoàn thiện công trình xây dựng.

Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Trần Quang C theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EMH/18/0102/HDBL ngày 08/8/2018, khoản tín dụng cấp cho Công ty N không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, cụ thể như sau:

- Đối với khế ước nhận nợ Lần 1/số: SME/EMH/18/0102/HDHM-1 ngày 08/8/2018, Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đã bị chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 10/5/2019. Tính đến ngày 20/8/2019 thì Công ty N đã thanh toán được tổng số tiền gốc là 304.264.929 đồng, tổng số tiền lãi là 89.821.216 đồng. Tính đến ngày 09/3/2022 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 146.018.140 đồng, tiền lãi là 261.450.933 đồng.

- Đối với khế ước nhận nợ Lần 2 /số: SME/EMH/18/0102/HDHM-2 ngày 16/8/2018, do Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đã bị chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 16/5/2019. Tính đến ngày 08/7/2019 thì Công ty N đã thanh toán được tổng số tiền gốc là 33.200.000 đồng, tổng số tiền lãi là 9.649.798 đồng. Tính đến ngày 09/3/2022 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 16.515.000 đồng, tiền lãi là 29.363.024 đồng.

Ngân hàng V đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty N để yêu cầu trả nợ vay nhưng Công ty N không thực hiện.

Nay Ngân hàng V yêu cầu Công ty N phải trả số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 09/3/2022, cụ thể các khoản như sau: Nợ gốc là 162.533.140 đồng, lãi là 290.813.957 đồng, tổng cộng là 453.347.097 đồng.

Ngoài ra, Công ty N vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký và các khế ước nhận nợ nêu trên từ ngày 10/3/2022 cho tới khi trả xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V. Trường hợp Công ty N không trả số tiền trên thì ông C có trách nhiệm trả toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

2. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyên đơn đã thực hiện việc gửi toàn bộ hồ sơ khởi kiện cho bị đơn; Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án quá hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, còn bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[2] Ngân hàng V khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với Công ty N; địa chỉ: đường P, phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét quan hệ tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là Công ty N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng V đòi Công ty N trả tổng số tiền nợ gốc là 162.533.140 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/EMH/18/0102/HDHM ngày 08/8/2018, thực hiện hợp đồng thì hai bên đã ký các khế ước nhận nợ như sau:

[7] Tại Khế ước nhận nợ (Lần: 1/số: SME/EMH/18/0102/HDHM-1) ngày 08/8/2018 thể hiện: Số tiền vay là 450.285.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng. Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đã bị chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 10/5/2019 và chốt số tiền nợ gốc là 187.445.230 đồng, sau đó tính đến ngày 20/8/2019 thì bị đơn đã trả thêm tổng số tiền gốc là 41.425.159 đồng nên số tiền gốc còn nợ là 146.018.140 đồng.

[8] Tại Khế ước nhận nợ (Lần: 2/số: SME/EMH/18/0102/HDHM-2) ngày 16/8/2018 thể hiện: Số tiền vay là 49.715.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng. Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đã bị chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 16/5/2019 và chốt số tiền nợ gốc là 20.665.000 đồng, sau đó tính đến ngày 08/7/2019 thì bị đơn đã trả thêm tổng số tiền gốc là 4.150.000 đồng nên số tiền gốc còn nợ là 16.515.000 đồng.

[9] Tổng số tiền nợ gốc đối với hai khế ước nhận nợ nêu trên: 146.018.140 đồng + 16.515.000 đồng = 162.533.140 đồng.

[10] Như vậy, Ngân hàng V cấp tín dụng cho Công ty N là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên giao dịch có hiệu lực pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chốt số tiền nợ gốc, chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn và yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền nợ gốc 162.533.140 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[11] Xét yêu cầu của Ngân hàng V đòi Công ty N trả tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/3/2022) là 290.813.957 đồng, ngoài ra Công ty N vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký và các khế ước nhận nợ nêu trên từ ngày 10/3/2022 cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[12] - Đối với khế ước nhận nợ Lần 1/số: SME/EMH/18/0102/HDHM-1 ngày 08/8/2018, Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đã bị chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 10/5/2019 và chốt số tiền nợ gốc là 187.445.230 đồng, sau đó tính đến ngày 20/8/2019 thì bị đơn đã trả thêm tổng số tiền gốc là 41.427.090 đồng nên số tiền gốc còn nợ là 146.018.140 đồng và nguyên đơn đã áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên số tiền gốc chưa trả bằng 150% lãi suất trong hạn (từ 35,9%/năm đến 36%/năm), tính từ ngày 10/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (09/3/2022) với tổng số tiền lãi suất quá hạn là 226.253.055 đồng, phạt chậm trả lãi là 35.197.878 đồng.

[13] - Đối với khế ước nhận nợ Lần 2 /số: SME/EMH/18/0102/HDHM-2 ngày 16/8/2018, do Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đã bị chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 16/5/2019 và chốt số tiền nợ gốc là 20.665.000 đồng, sau đó tính đến ngày 08/7/2019 thì bị đơn đã trả thêm tổng số tiền gốc là 4.150.000 đồng nên số tiền gốc còn nợ là 16.515.000 đồng và nguyên đơn đã áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên số tiền gốc chưa trả bằng 150% lãi suất trong hạn (từ 35,9%/năm đến 36%/năm), tính từ ngày 16/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (09/3/2022) với tổng số tiền lãi suất quá hạn là 25.428.748 đồng, phạt chậm trả lãi là 3.934.276 đồng.

[14] Xét thấy việc chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng và các khế ước nhận nợ, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền lãi suất nợ quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 290.813.957 đồng và tiền lãi suất nợ quá hạn phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong là có căn cứ chấp nhận.

[15] Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và tiền lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp bị đơn không trả số tiền trên thì ông Trần Quang C có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/18/0102/HDBL ngày 08/8/2018, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[16] Tại Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EMH/18/0102/HDBL ngày 08/8/2018 được ký giữa bên bảo lãnh là ông C và bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng V, bên được bảo lãnh là Công ty N, theo hợp đồng bảo lãnh thì phạm vi bảo lãnh cơ bản là bên bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với nguyên đơn phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/EMH/18/0102/HDHM ngày 08/8/2018, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của hợp đồng bảo lãnh và các văn bản tín dụng khác được các bên thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng bảo lãnh trên. Xét thấy các bên ký kết hợp đồng bảo lãnh nêu trên là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp với Điều 335 và Điều 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Do đó, trường hợp bị đơn không trả số tiền trên cho nguyên đơn thì ông C có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền mà bị đơn phải trả theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/EMH/18/0102/HDBL ngày 08/8/2018 là phù hợp với quy định tại Điều 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[17] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa giải quyết vụ án và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92

Bộ luật tố tụng dân sự thì trình bày của nguyên đơn được thừa nhận.

[18] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền gốc và tiền lãi suất nợ quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 453.347.097 đồng.

[19] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức và các khế ước nhận nợ.

[20] Trường hợp Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì ông C phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền thay cho Công ty N theo hợp đồng bảo lãnh đã ký giữa các bên.

[21] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[22] Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[23] Bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 453.347.097 đồng nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95, điểm a và điểm c khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 335, 336, 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V:

Buộc Công ty N phải trả cho Ngân hàng V ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền là 453.347.097 đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm chín mươi bảy đồng), trong đó bao gồm:

Số tiền gốc là 162.533.140 (Một trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, một trăm bốn mươi đồng).

Tiền lãi tính đến ngày 09/3/2022 là 290.813.957 (Hai trăm chín mươi

triệu, tám trăm mười ba nghìn, chín trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/EMH/18/0102/HDHM ngày 08/8/2018, Khế ước nhận nợ Lần 1/số: SME/EMH/18/0102/HDHM-1 ngày 08/8/2018 và Khế ước nhận nợ Lần 2 /số: SME/EMH/18/0102/HDHM-2 ngày 16/8/2018.

Trường hợp Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì ông C phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền thay cho Công ty N theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EMH/18/0102/HDBL ngày 08/8/2018.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại:

- Công ty N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 22.133.884 (Hai mươi hai triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi bốn) đồng.

- Ngân hàng V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 7.740.000 (Bảy triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0041809 ngày 11/11//2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty N và ông C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Dung).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Khắc Dương